

NGHỆ THUẬT ĐỐI NGOẠI HỒ CHÍ MINH - TỪ GÓC NHÌN LỊCH SỬ

Phạm Ngọc Trâm

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn -

Đại học Quốc gia TP.HCM

Ngày nhận bài 20/4/2018; Ngày gửi phản biện 21/3/2018; Chấp nhận đăng 30/7/2018

Email: phamngoctram@hcmussh.edu.vn

Tóm tắt

Nghệ thuật đối ngoại Hồ Chí Minh là sự phát triển từ truyền thống đến hiện đại được đúc kết từ tinh hoa nghệ thuật đối ngoại của Việt Nam, trong đó nét nổi bật là phương châm coi trọng hòa hiếu, hòa bình, đề cao văn hóa đối thoại trong quan hệ với các nước, kể cả với kẻ thù xâm lược. Bài viết đã phản ánh hai nội dung: nghệ thuật đối ngoại Việt Nam và nghệ thuật đối ngoại Hồ Chí Minh. Trong đó, tập trung phân tích nghệ thuật đánh giá xu thế phát triển của thời đại, nghệ thuật "thêm bầu bạn bớt kẻ thù" vận dụng sách lược mềm dẻo, linh hoạt để giành thắng lợi từng bước trong ngoại giao... Ngày nay trong bối cảnh Việt Nam đang đổi mới và hội nhập, nghệ thuật đối ngoại Hồ Chí Minh là một chủ đề có ý nghĩa khoa học và thực tiễn sâu sắc.

Từ khóa: Việt Nam, Hồ Chí Minh, ngoại giao, đối ngoại, đổi mới.

Abstract

The art of foreign relations of Vietnam - Ho Chi Minh is the development from tradition to the era of Ho Chi Minh, they are summarized from the thousand years of history. The emphasis is on the importance of peace, promoting the role of cultural dialogue in relations with other countries, including enemy invasion. This article reflects the art of Vietnam - Ho Chi Minh through the art of assessing the development trend of the era, the art of "making friends less tactical use flexible to win step by step in diplomacy. Today, in the context of Vietnam's renewal and integration, this is a topic of great scientific and practical significance

1. Đặt vấn đề

Đất nước Việt Nam tươi đẹp trải dài hơn 3.000 cây số, cầu nối giữa lục địa châu Á với Biển Đông, từ lâu đã bị các thế lực ngoại bang nhòm ngó. Việt Nam phải thường xuyên đối diện với nhiều đội quân xâm lược lớn mạnh. Từ lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc, Việt Nam luôn đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên trên hết, biết tiếp thu những kiến thức của nhân loại, đúc kết chúng thành những tri thức, kinh nghiệm, để vận dụng vào lãnh đạo, quản lý đất nước, trong đó có nghệ thuật đối ngoại. Nghệ thuật đối ngoại Việt Nam phát triển từ truyền thống đến thời đại Hồ Chí Minh được đúc kết từ hàng ngàn năm lịch sử, trong đó nét nổi bật là phương châm coi trọng hòa hiếu, hòa bình, đề cao văn hóa đối thoại trong quan hệ với các nước, kể cả với kẻ thù xâm lược. Ngày nay trong bối cảnh Việt Nam đang đổi mới và hội nhập, đây là một chủ đề có ý nghĩa khoa học và thực tiễn sâu sắc.

2. Nghệ thuật đối ngoại Việt Nam – từ góc nhìn lịch sử

Việt Nam có một nền văn hóa tiến tiến đậm đà bản sắc dân tộc, phản ánh thành quả hàng nghìn năm lao động sáng tạo, đấu tranh kiên cường dựng nước và giữ nước của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, là kết quả giao lưu và tiếp thụ tinh hoa của nhiều nền văn minh thế giới để không ngừng hoàn thiện mình. Với truyền thống văn hóa hàng ngàn năm ấy, nổi bật lên những nét độc đáo trong nghệ thuật đối ngoại Việt Nam từ truyền thống đến thời đại Hồ Chí Minh là sự kết tinh của truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam và tiêu biểu cho khát vọng của các dân tộc, khẳng định bản sắc văn hóa của mình và mong muốn tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc; đặc biệt là trong ngoại giao với nước lớn.

Trong cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ hai, sau cuộc phản công chiến lược ở phòng tuyến Như Nguyệt, lợi thế chiến trường đã nghiêng hẳn về phía Đại Việt, nhưng Lý Thường Kiệt không dồn quân Tống vào con đường cùng là tiêu diệt hoàn toàn hoặc buộc phải đầu hàng, mà chủ động *giảng hòa* mở lối thoát cho quân Tống rút lui trong danh dự. “Dùng biện sĩ để bàn hòa. Không nhọc tướng tá, khỏi tốn máu mủ, mà bảo an được tông miếu”[6]. Biện pháp “bàn hòa” kết thúc chiến tranh của Lý Thường Kiệt là một đường lối đối ngoại hòa bình chủ động, vừa đạt được mục tiêu của cuộc kháng chiến vệ quốc là quét sạch quân xâm lược ra khỏi đất nước, vừa giữ mối quan hệ bang giao *láng giềng* giữa Đại Việt với Tống, tạo điều kiện duy trì hòa bình, phát triển đất nước. Nghệ thuật đối ngoại này đặt nền tảng cho tư tưởng ngoại giao hòa bình của Việt Nam suốt trong tiến trình lịch sử dân tộc.

Mặc dù, dưới thời quân chủ, quan hệ ngoại giao giữa nước ta với các triều đại phong kiến Trung Quốc thực chất là quan hệ bất bình đẳng. Các triều đại phong kiến phương Bắc luôn tiềm ẩn ý đồ xâm lấn, chỉ chờ có cơ hội liền đem quân đánh chiếm, nhưng phát huy giá trị nghệ thuật đối ngoại thời Lý, trong ba lần đánh thắng quân Nguyên – Mông dưới thời nhà Trần; hay Lê Lợi và Nguyễn Trãi sau khi đánh tan 10 vạn quân Minh tại Chi Lăng năm 1427 đều chủ động cầu hòa, bình thường hóa quan hệ với kẻ thù xâm lược.

Thế kỷ XIII, nhà Trần lên thay nhà Lý, cũng là lúc “thảo nguyên Mông Cổ đang cuốn bụi và thấm máu vì những cuộc chiến tranh bộ lạc tàn khốc”[7]. Sau khi nhà nước phong kiến quân sự độc tài tập quyền Mông Cổ ra đời (1206), vó ngựa của các đoàn kỵ binh của họ tung hoành khắp phương Đông và phương Tây, gieo rắc nỗi kinh hoàng trên nhiều quốc gia Âu Á; mở đường tấn công phương Nam, tiêu diệt Đại Lý, nhân thế thắng, xua quân xuống phía Nam nhằm tiêu diệt Đại Việt. Trong vòng 30 năm (1258 - 1288) quân xâm lược Nguyên – Mông ba lần tấn công xâm lược Đại Việt; lần thứ nhất năm 1258; lần thứ hai 1285; lần thứ ba (1287 - 1288). Bên cạnh các chiến thắng quân sự, đây cũng là thời kỳ vua tôi nhà Trần phải đối mặt với các thủ đoạn vừa hịch sách, lừa bịp, đe dọa của nhà Nguyên, sử dụng nghệ thuật đấu tranh trên lĩnh vực đối ngoại.

Tháng 4 năm 1279, sau cuộc tấn công xâm lược lần thứ nhất (năm 1258) thất bại Vua Nguyên tiếp tục đe dọa bằng ngoại giao, hy vọng có thể thông qua đó khống chế Đại Việt. Nhà Nguyên sai sứ giả là Sài Thung mang theo chiếu dụ yêu cầu vua Trần Thánh Tông qua châu vua Nguyên và nêu điều kiện “... Nếu quả không thể vào châu thì dùng vàng thay người, lấy hai hạt châu thay mắt; lấy hiền sĩ, phò mã, trai gái, thợ thuyền mỗi đảng hai người để thay cho sĩ dân. Nếu không làm theo hãy tu sửa thành trì của ngươi, để đợi xét xử” [8].

Vua Trần không đáp ứng yêu sách. Nắm lấy cơ hội này, nhà Nguyên liền phong cho

Trần Di Ái (chú họ vua Trần được cử đi sứ sang Nguyên trước đó) làm An Nam quốc vương; thiết lập một triều đình bù nhìn cùng một bộ máy cai trị kèm theo, ráo riết đẩy mạnh tiến trình thôn tính Đại Việt. Triều đình bù nhìn được một nghìn quân hộ tống đưa về nước, đến biên giới, bị nhà Trần cho quân đánh chạy tan tác, nhưng sứ giả của nhà Nguyên là Sài Thung vẫn được nhà Trần tiếp đón nồng hậu.

*“... Vị thăm hà thì trùng đồ diện,
 Ân cần ác thủ tự thê lương”.
 (... Chưa biết khi nào cùng gặp lại,
 Nắm tay thân mật để hàn huyên)[8].*

Sử gia Phan Huy Chú nhận xét rất xác đáng rằng, nước ta thời nhà Trần ứng tiếp với sứ nhà Nguyên, khi cương khi nhu, đều là đặc thế cả, cho nên từ năm Trùng hưng về sau mới có thể hết việc binh đao, mà Bắc sứ thường thường phải khuất phục. Trong khoảng hơn trăm năm, ngăn được sự dòm ngó của Trung Quốc mà tăng thêm thanh danh cho văn hiến nước nhà, đó là nhờ có sự giao tiếp đặc nghi vậy. “Vừa đánh tan quân nhà Nguyên ở biên giới, lại làm thơ thù tạc cùng sứ giả, lời lẽ rất nhã nhặn, đó cũng là nét thú vị trong thuật ngoại giao của nhà Trần”[8].

Quan hệ đối ngoại của nhà Trần trải dài hơn trăm năm với những gay go, phức tạp, gắn liền với ba cuộc chiến tranh xâm lược của Nguyên - Mông. Đối đầu với một đế quốc có tiềm lực quân sự mạnh, tham vọng bành trướng lớn là nhà Nguyên, nhà Trần một mặt tiếp thu những bài học ngoại giao của các triều đại trước, thi hành đường lối ngoại giao uyển chuyển, linh hoạt, nhưng kiên quyết giữ vững thể diện quốc gia, độc lập chủ quyền của dân tộc. Nghệ thuật đối ngoại của nhà Trần mặc dù có lúc cương lúc nhu song không bao giờ khuất phục, luôn bình tĩnh và tỉnh táo trước âm mưu của kẻ thù, khéo léo kết hợp đấu tranh ngoại giao với đấu tranh trên các mặt trận chính trị và quân sự, làm tiêu tan tham vọng xâm lược của nhà Nguyên.

Lịch sử dân tộc Việt Nam là lịch sử dựng nước gắn liền với giữ nước. Trải qua hàng chục cuộc kháng chiến và khởi nghĩa lớn của dân tộc, ông cha đã để lại cho thế hệ hôm nay nhiều kinh nghiệm quý, nhiều nét đặc sắc, sáng tạo về nghệ thuật đối ngoại. Quá trình lãnh đạo nghĩa quân Lam Sơn chống giặc Minh, Lê Lợi và Nguyễn Trãi thực hiện nghệ thuật đối ngoại trong hoạt động chính trị với hai phương thức chủ yếu là dụ hàng các tướng lĩnh, binh sĩ địch và quy quân, thực hiện hòa đàm, khi thì để hòa hoãn tạm thời với địch để bảo toàn lực lượng; khi ưu thế thuộc về nghĩa quân thì dùng lý lẽ để buộc địch chấm dứt chiến tranh, rút quân về nước.

Để thực hiện nghệ thuật đối ngoại trong quan điểm chính trị Nguyễn Trãi đòi hỏi tướng lĩnh phải luôn “biết địch biết ta”, nắm vững điều kiện, hoàn cảnh, hiểu thông thời thế... Nghệ thuật đối ngoại ấy được thể hiện qua các hoạt động cụ thể như thuyết khách, gián điệp, phao tin, binh vận, địch vận, chiến tranh tâm lý đều là đánh vào lòng người... Theo quan niệm của Nguyễn Trãi, nghệ thuật đối ngoại đánh vào lòng người thuộc phe đối phương, cũng là một hình thức *tác chiến* để hạ thành, là đánh thành “không chiến mà thắng”. Khi thắng lợi, kết thúc chiến tranh phải khoan dung độ lượng với tù binh, khôi phục quan hệ hoà hiếu, duy trì hoà bình. Nguyễn Trãi đã cố gắng dùng “đao bút” thay gươm giáo, sử dụng nghệ thuật đánh vào lòng người. Nghệ thuật đối ngoại đã góp phần giương cao ngọn cờ chính nghĩa là một quá trình phức tạp mà những lãnh tụ Lam Sơn đã kiên trì thực hiện và thực hiện thành công. Nghệ

thuật đối ngoại là một mũi tiến công sắc bén, lợi hại có thể song hành cùng đấu tranh quân sự để đạt kết quả cao nhất. Kinh nghiệm này đã được nghĩa quân kế thừa từ những kinh nghiệm trước đó của cha ông, đồng thời nhân lên trong thực tiễn đấu tranh chống quân Minh xâm lược và đó cũng là bài học kinh nghiệm giá trị còn mãi cho sau này. Đây là cống hiến lớn lao của Nguyễn Trãi mà giá trị và ý nghĩa của nó đã được nhân dân ta khai thác và vận dụng trong nhiều thế kỷ dựng xây và bảo vệ Tổ quốc.

Kế thừa một cách sáng tạo nghệ thuật đối ngoại của cha ông, mặc dù đã đánh bại được cuộc can thiệp mang tính xâm lược của nhà Thanh, nhưng vua Quang Trung vẫn chủ trương hòa đàm để sớm chấm dứt chiến tranh và cũng đã lên kế hoạch bình thường hóa quan hệ Việt - Trung sau chiến tranh.

Nghệ thuật đối ngoại *hòa hiếu*, mềm dẻo, khéo léo của Quang Trung được hình thành từ sớm. Trước khi đại phá quân Thanh (1789), Quang Trung đã luận bàn quan điểm này với Ngô Thì Nhậm: “Nay ta đến đây tự đốc việc quân, đánh hay giữ đã có kế cả rồi, chỉ trong mười ngày thế nào ta cũng quét sạch giặc Thanh. Nhưng nước Thanh lớn hơn nước ta đến mười lần. Bị thua tất Thanh lấy làm thẹn, chắc phải tìm cách rửa hờn. Nếu cứ để binh lửa liên miên, thật không phải là phúc của nhân dân, lòng ta sao nở. Vì vậy, sau khi thắng trận phải khéo dùng từ lệnh thì mới dập tắt được binh lửa”[9].

Do đó, ngay sau khi đại phá quân Thanh (1789), vua Quang Trung đã chủ động cử sứ sang Yên Kinh đưa thư cầu hòa. Trong thư cầu hòa này, vua Quang Trung khéo léo viết:

“Cúi nghĩ Đại Hoàng đế đặt mình vào địa vị trời thi hành giáo hóa, thuận lẽ tự nhiên, tha thứ cho thần cái tội đón đánh Tôn Sĩ Nghị...”

Nay, đường đường là Triều đình Thiên tử lại đi so hơn thua với nước rợ nhỏ thì ắt là muốn cùng khốn binh sĩ, lạm dụng vũ lực hầu sướng khoái cái lòng tham lam tàn bạo thì thật cái lòng của Thánh thượng không nhẫn. Trong muôn một nếu can qua nối tiếp không dứt, tình thế đến nỗi nào thì thật không phải do thần muốn mà thần cũng không dám biết nữa”[9]. Vua Quang Trung đã ứng xử linh hoạt, mềm dẻo trên cơ sở một bản lĩnh vững vàng, cứng cỏi, góp phần củng cố vị thế nước ta trong quan hệ giữa hai nước Việt Nam – Trung Quốc.

Sau khi triều Nguyễn thành lập (1802), trong quan hệ với Trung Hoa, Gia Long rời Minh Mạng đã cố gắng phát huy nghệ thuật đối ngoại truyền thống của dân tộc, tái lập quan hệ ngoại giao và bình thường hóa quan hệ với Trung Hoa để ổn định và phát triển đất nước. Gia Long tiếp tục đường lối “trong xung đế, ngoài xưng vương” trong quan hệ với nhà Thanh. Tuy khéo nhún nhường, mềm dẻo, nhưng các vua đầu triều Nguyễn vẫn thể hiện vai trò của hoàng đế của một quốc gia độc lập đối với nhà Thanh. Bên cạnh đó, các vua đầu triều Nguyễn còn tỏ rõ sự cứng rắn và nguyên tắc khi bị động chạm đến độc lập của nước và bản sắc văn hóa của dân tộc trong sự đối sánh với Trung Hoa. Cũng dưới thời Minh Mạng, năm 1831, nhà Thanh đem 600 ngàn quân vượt qua biên giới đòi Việt Nam giao vùng Phong Thu - Hưng Hóa (nay thuộc tỉnh Lai Châu), Minh Mạng đã kiên quyết đấu tranh trên cả hai mặt trận ngoại giao và quân sự, vừa mềm dẻo, vừa kiên quyết khẳng định “đồn Phong Thu nguyên lệ thuộc bản triều”, buộc Trung Quốc phải rút quân và xin lỗi.

Nghệ thuật đối ngoại truyền thống Việt Nam đã có những thành công của các triều đại phong kiến Việt Nam là đã hình thành được các nguyên tắc ứng xử trong quan hệ với Trung Hoa và với các nước khác. Nghệ thuật đối ngoại truyền thống Việt Nam phục vụ mục tiêu xuyên

suốt các thời đại là độc lập dân tộc, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Nét đặc trưng trong nghệ thuật đối ngoại của Việt Nam với nước lớn, đặc biệt với Trung Hoa là sự vận dụng linh hoạt, khôn khéo giữa “cứng rắn” và “mềm dẻo”. Trong nhiều thời kỳ lịch sử, mặc dù là người chiến thắng, nhưng cách ứng xử của các triều đại Việt Nam vẫn luôn thể hiện sự khôn khéo, “biết người biết ta”, thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc thật sự, đất nước hòa bình, không còn lệ thuộc. Nghệ thuật đối ngoại của Việt Nam thể hiện bản sắc văn hóa của dân tộc, là văn hóa ứng xử, vừa tận dụng, vừa đối phó với môi trường xã hội vì sự tồn vong của đất nước.

3. Nghệ thuật đối ngoại Hồ Chí Minh

Nghệ thuật đối ngoại Hồ Chí Minh là một tài sản tinh thần vô cùng quý giá, thể hiện qua nghệ thuật đánh giá xu thế phát triển của thời cuộc qua các bước ngoặt của quan hệ quốc tế; nghệ thuật nhận thức và nắm bắt thời cơ, dùng thời cơ như sức mạnh hỗ trợ tích cực cho công cuộc cách mạng và tạo thế mạnh cho ngoại giao; nghệ thuật tiến công ngoại giao, tạo thế trận mới cho cuộc đấu tranh cách mạng và tạo khuôn khổ đàm phán tìm giải pháp hoà bình, chấm dứt xung đột một cách có lợi nhất; nghệ thuật “thêm bầu bạn bớt kẻ thù” và lợi dụng sự khác nhau về lợi ích giữa các nước lớn đang tham gia quan hệ quốc tế để phân hoá và làm suy yếu thế lực thù nghịch; nghệ thuật về kiên trì nguyên tắc và mục tiêu cuối cùng, đi đôi với sáng tạo và vận dụng sách lược mềm dẻo, linh hoạt để giành thắng lợi từng bước trong ngoại giao; nghệ thuật về phối hợp mặt trận chính trị, kinh tế, quân sự và an ninh quốc phòng với ngoại giao, tạo sức mạnh nội lực làm cơ sở đẩy mạnh hoạt động ngoại giao, củng cố vị thế của Việt Nam trong tình hình quan hệ quốc tế biến chuyển phức tạp.

Nghệ thuật đối ngoại Hồ Chí Minh thể hiện sinh động qua thực tiễn cách mạng Việt Nam, thời kỳ 1945 – 1946, lúc mà đất nước ta lúc đó như “ngàn cân treo sợi tóc”. Hồ Chí Minh với nghệ thuật đối ngoại tuyệt của mình đã linh hoạt vận dụng sáng tạo “sách lược cụ thể” của dân tộc. Người đã lãnh đạo dân tộc ta ứng phó kịp thời trong mọi tình huống nguy nan và đưa đất nước ta đạt được những thắng lợi ngoài mọi dự đoán. Chủ tịch Hồ Chí Minh biết Lư Hán bị điều động sang Việt Nam là “kẻ điếu hổ ly sơn” của Tưởng Giới Thạch. Tưởng Giới Thạch muốn nhân cơ hội này để thanh toán một số tên quân phiệt cứng đầu ở Tây Nam và Hoa Nam. Từ đó, Hồ Chí Minh đã đi đến nhận định *nội bộ chúng không ổn định là điều ta có thể lợi dụng*.

Trong giai đoạn lịch sử Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sau ngày 2/9/1945, với nghệ thuật đối ngoại Hồ Chí Minh đã kết hợp xuất sắc lòng dũng cảm và ý chí sáng tạo của dân tộc Việt Nam với sự nhạy bén của Người, ứng phó trong mọi tình huống cụ thể, phân hóa kẻ thù, vô hiệu hóa từng tên. Kết quả cuối cùng là đạt được sự hòa hoãn với quân Tưởng ở miền Bắc, giúp ta tập trung đối phó với quân Pháp ở miền Nam, giữ vững được chính quyền, chuẩn bị cho một thời kỳ mới sau này là xoay ngược thế cờ, tạm hòa với Pháp để đẩy nhanh quân Tưởng về nước, quét sạch bọn tay sai của chúng ra khỏi Tổ quốc.

Điểm nổi bật trong nghệ thuật đối ngoại Hồ Chí Minh chính là kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là phương pháp giải quyết vấn đề dựa trên vai trò quyết định của yếu tố bên trong và tác động, ảnh hưởng của yếu tố bên ngoài, cũng như từ tính chất xã hội Việt Nam và xu thế thời đại. Ngày nay, sức mạnh dân tộc Việt Nam là sự tổng hợp các yếu tố vật chất và tinh thần, truyền thống và hiện đại, là sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân, chính nghĩa dân tộc, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, trong đó yếu tố độc lập, tự chủ, là nền tảng mọi chính sách và sách lược, bảo đảm cho mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Nghệ thuật đối ngoại kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại theo quan điểm của Hồ Chí Minh là phải biết tận dụng lợi thế khách quan. Bản thân chủ quan phải thực sự độc lập, có bản lĩnh để tận dụng cơ hội, đồng thời có thể góp sức hòa chung với sức mạnh của cộng đồng quốc tế. Người nói: “Độc lập có nghĩa là chúng tôi điều khiển lấy mọi công việc của chúng tôi, không có sự can thiệp ở ngoài vào”[4].

Một mặt đề cao ý chí độc lập, tự chủ nhưng Hồ Chí Minh luôn đặt cách mạng Việt Nam trong trào lưu tiên bộ của thời đại và gắn kết với cuộc đấu tranh của nhân loại tiên bộ. “Không có một sức mạnh thống nhất của cả nước, không có sự giúp đỡ mạnh mẽ của bên ngoài, công cuộc vận động giải phóng khó mà thành công được”[3]. Sức mạnh thời đại luôn mang nội dung mới, phản ánh sự phát triển của lịch sử và quá trình vận động của chính trị quốc tế, do đó, trong nghệ thuật đối ngoại Hồ Chí Minh là mở rộng quan hệ quốc tế, với phương châm *làm cho mình ít kẻ thù hơn hết và nhiều bạn đồng minh hơn hết*. Nghệ thuật đối ngoại ấy được đặt trên cơ sở tìm ra những điểm tương đồng, khai thác mọi khả năng có thể, nhằm tập hợp lực lượng, hình thành mặt trận đoàn kết ủng hộ Việt Nam, Hồ Chí Minh đã mở rộng đoàn kết quốc tế theo quan điểm “Làm bạn với tất cả các nước dân chủ và không gây thù oán với một ai”[4]. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, việc kết hợp hài hòa sự nghiệp của nhân dân Việt Nam với sự nghiệp của nhân dân thế giới, tranh thủ mở rộng đoàn kết và hợp tác quốc tế trong tình hình các phong trào cách mạng thế giới phát triển mạnh mẽ, sức mạnh của Việt Nam đã được nhân lên gấp bội. Người nói: “Sức mạnh, sự vĩ đại và sự bền bỉ của nhân dân Việt Nam cơ bản là ở sự đoàn kết của nhân dân Việt Nam và ở sự ủng hộ của nhân dân thế giới...”[5].

Nghệ thuật đối ngoại Hồ Chí Minh là phải biết tận dụng sức mạnh thời đại với những tiến bộ khoa học kỹ thuật, sự tăng cường mở rộng của quan hệ kinh tế thương mại thế giới. Ngay từ những ngày đầu tiên giành được độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu ý tưởng về hợp tác kinh tế đối ngoại, lấy kinh tế phục vụ chính trị. Người đã từng tính đến việc tranh thủ hợp tác kinh tế, thu hút đầu tư nước ngoài để xây dựng đất nước, từ đó tranh thủ sự ủng hộ bên ngoài đối với nền độc lập của Việt Nam. Năm 1946, trong *Lời kêu gọi Liên hợp quốc*, Người đã khẳng định: “Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực... Nước Việt Nam dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình... chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hợp quốc”[4].

3. Vận dụng nghệ thuật đối ngoại Hồ Chí Minh trong bối cảnh hiện nay

Việt Nam là một quốc gia có vị thế địa chính trị, kinh tế quan trọng trong khu vực. Do đó, mối quan hệ giữa Việt Nam với các quốc láng giềng không phải lúc nào cũng hòa bình, phẳng lặng. Nhưng khi xung đột chấm dứt, ta lại chủ động hòa hiếu với kẻ thù, *xóa thù thành bạn, gát lại quá khứ hướng tới tương lai*, thiết lập lại quan hệ hòa bình hữu nghị, xóa bỏ những hận thù có hại cho cuộc sống và sự phát triển của xã hội loài người. Đây không chỉ là nghệ thuật đối ngoại mà còn là nghệ thuật sống, nghệ thuật tồn tại của dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kế thừa một cách sáng tạo nghệ thuật đối ngoại truyền thống của dân tộc.

Sau khi cách mạng tháng Tám (1945) thành công, đất nước phải đối mặt với hàng loạt khó khăn thách thức, chống thù trong giặc ngoài, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa non trẻ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ đạo thực hiện sách lược “hòa để tiến,” phân hóa kẻ thù, tranh thủ thêm thời gian củng cố lực lượng để chuẩn bị cho cuộc trường kỳ kháng chiến. “Hòa để tiến” không chỉ là sách lược, mà là nghệ thuật, quyết sách đối ngoại táo bạo, đúng đắn

trong thời khắc vận nước ở thế “ngàn cân treo sợi tóc” càng làm nổi bật tầm vóc tư tưởng và thiên tài của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đối ngoại. Từ nguyên tắc “dĩ bất biến ứng vạn biến,” “đặt lợi ích dân tộc lên hàng đầu” đến sách lược ngoại giao tâm công và phương châm “thêm bạn, bớt thù,” tất cả đã trở thành những bài học kinh điển về nghệ thuật đối ngoại mang đậm phong cách Hồ Chí Minh mà đến nay vẫn còn nguyên giá trị.

Hồ Chí Minh nổi bật với chất của một nhà hoạt động ngoại giao chân chính. Người có tinh thần yêu nước, thương dân, sẵn sàng hy sinh tất cả vì độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân. Cũng chính vì xuất phát điểm như vậy, Hồ Chí Minh đã ra đi tìm lấy con đường cứu nước, cứu dân đúng đắn. Trong thời gian bốn ba khắp các châu lục và quốc gia trên thế giới, Hồ Chí Minh đã tiếp thu những giá trị về nghệ thuật đối ngoại cả Đông và Tây, kế thừa nghệ thuật đối ngoại truyền thống của dân tộc, tất cả đều qua lăng kính mục tiêu chính trị vì nước, vì dân của Hồ Chí Minh. Chính vì vậy, Người đã có sự kế thừa, phát triển, tiếp thu có chọn lọc những nhân tố phù hợp nhất với dân tộc Việt Nam.

Hồ Chí Minh có trí thông minh sắc sảo, nhạy bén với cái mới, tư duy độc lập sáng tạo; trí tuệ uyên bác, kiến thức sâu rộng. Nhờ đó, Người biết kế thừa những giá trị truyền thống nhân loại, tiếp thu tinh hoa nhân loại, gắn kết chặt chẽ những nhân tố đó để hình thành nghệ thuật đối ngoại của mình.

Hồ Chí Minh có tư duy biện chứng sâu sắc trong nghệ thuật đối ngoại, Người luôn quán triệt quan điểm thực tiễn và quan điểm phát triển khi xây dựng, phát triển nghệ thuật đối ngoại. Quán triệt quan điểm thực tiễn để xem xét sự hình thành và phát triển của những quan điểm về nghệ thuật đối ngoại của dân tộc Việt Nam từ đó mà có sự vận dụng cho phù hợp chứ không giáo điều máy móc.

Hồ Chí Minh còn là người có bản lĩnh vững vàng, kiên định trước mọi khó khăn, thử thách. Qua những năm tháng Hồ Chí Minh đã trải qua nhiều năm bốn ba nước ngoài, đi qua ba châu lục, bốn đại dương, gần 56 quốc gia trên thế giới, Hồ Chí Minh cũng đã tích lũy vốn kinh nghiệm phong phú về nghệ thuật đối ngoại. Nghệ thuật đối ngoại của Hồ Chí Minh được Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng trong toàn bộ tiến trình cách mạng giải phóng dân tộc giành độc lập và tiếp tục theo đuổi lý tưởng bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Trong suốt mấy chục năm đảm nhận cương vị Chủ tịch nước, Người đã quan tâm chỉ đạo sát sao công tác đối ngoại, nhằm phát huy sức mạnh của dân tộc và thời đại, đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp vẻ vang của dân tộc. Do đó, trong toàn bộ nội dung phong phú của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam, những nguyên lý, quan điểm về nghệ thuật đối ngoại có một vị trí khá quan trọng. Hiện nay, việc vận dụng nghệ thuật đối ngoại Việt Nam - Hồ Chí Minh vào công cuộc đổi mới và hội nhập đã trở thành một nội dung quan trọng trong chính sách đối ngoại Việt Nam thời kỳ đổi mới.

Trong sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế, vận dụng nghệ thuật đối ngoại truyền thống Việt Nam và nghệ thuật đối ngoại Hồ Chí Minh, Đảng và Nhà nước chủ động triển khai đường lối đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa, góp phần phá bao vây, cấm vận, nỗ lực duy trì môi trường hòa bình, tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thực hiện đúng mong muốn “sẵn sàng làm bạn với tất cả các nước dân chủ” mà Hồ Chí Minh luôn tâm niệm ngay từ những ngày đầu lập nước. Việt Nam ngày nay đã thực sự “là bạn, là đối tác tin cậy của tất cả các nước, và là thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế”. “Mở rộng, đa dạng hóa và đa phương hóa quan hệ kinh tế đối ngoại trên nguyên tắc giữ

vững độc lập chủ quyền, bình đẳng, cùng có lợi”[1]. Đại hội Đảng lần thứ IX (4-2001) đã khẳng định: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”[2] Đại hội xác định độc lập tự chủ là cơ sở để thực hiện đường lối đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa, đồng thời nhấn mạnh Việt Nam, không chỉ “sẵn sàng là bạn” mà còn sẵn sàng là “đối tác tin cậy của các nước” và “chủ động hội nhập kinh tế quốc tế”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, NXB Chính trị Quốc gia.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị Quốc gia,
- [3] Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 3, NXB Chính trị Quốc gia, 2011
- [4] Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 5, NXB Chính trị Quốc gia, 2011
- [5] Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 15, NXB Chính trị Quốc gia, 2011
- [6] Hoàng Xuân Hãn (2010), Lý Thường Kiệt - Lịch sử ngoại giao và tông giáo triều lý, NXB Hà Nội
- [7] Hà Văn Tấn, Phạm Thị Tâm (2003), *Cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông thế kỷ XIII*, NXB Quân đội nhân dân, 2003
- [8] Phạm Văn Ánh (2009), *Văn Thư Ngoại Giao Thời Trần - Nội Dung Và Nghệ Thuật*, Thông báo Hán Nôm học 2009.
- [9] Nguyễn Phan Quang (2005), *Phong trào Tây Sơn và anh hùng dân tộc Quang Trung*, NXB Tổng hợp TP.HCM.

***“Nghiên cứu này được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Thành phố
Hồ Chí Minh trong khuôn khổ đề tài C2018-18b-08”***